

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 11-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Cường
2. Bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
bà Niê Đoan Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS, ngày 11/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 23/4/2018, đối với bị cáo:

Lê Hồng T (*có mặt*), sinh năm 1992, tại tỉnh Đắc Nông; Nơi đăng ký HKTT: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hùng K (sinh năm 1962) và bà Nguyễn Thị Tuyết M (sinh năm 1967); bị cáo là con thứ 04 trong gia đình có 04 anh chị em; bị cáo có vợ là Ngô Nguyễn Châu G (sinh năm 1996) và có 01 con (sinh năm 2014); tiền án: 02 tiền án, ngày 04/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện ĐắcMil, tỉnh Đắc Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 51/2010/HSST); bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/8/2011, chưa được xóa án tích; ngày 20/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện ĐắcMil, tỉnh ĐắcNông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (Bản án số 13/2015/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2016, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 24/11/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắc Nông.

- *Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Duy S (*vắng mặt*), sinh năm 1994.

2. Chị Nguyễn Nữ Kim N (*vắng mặt*), sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M (*vắng mặt*), sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2. Bà Phạm Thị Kim M (*vắng mặt*), sinh năm 1943.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2017, bị cáo Lê Hồng T cho anh Nguyễn Duy S mượn xe mô tô biển kiểm soát 48E – 1.4609 để đi chơi thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Đắk Mil tạm giữ xe do vi phạm nồng độ cồn. Sau nhiều lần yêu cầu S làm việc với cơ quan Công an huyện Đắk Mil để lấy xe mô tô trả cho T nhưng S đều né tránh. Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/8/2017, bị cáo Lê Hồng T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F5 – 3067 (xe thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Tuyết M là mẹ của T mua lại của bà Phạm Thị Kim M nhưng chưa làm thủ tục sang nhượng theo quy định) đi đến nhà của S với mục đích để yêu cầu S đi đến Công an huyện Đắk Mil lấy xe mô tô trả cho T. Khi đến nơi, T đứng ngoài cổng gọi S, do sợ T đến yêu cầu lấy xe mô tô trả nên S đã đi ra phía sau nhà và bỏ đi nơi khác. Lúc này, chỉ còn chị Nguyễn Nữ Kim N là vợ của S và con nhỏ mới sinh đang ở trong nhà. T đi đến cửa chính và nói với chị N mở cửa để T vào nhà tìm S nhưng chị N không mở nên T lấy 01 cái cuốc (cán bằng tre dài 65cm, lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 24cm x 13cm) đang để ngoài sân nhà anh S rồi đi đến dùng cuốc đập 01 phát làm vỡ ô kính dưới của cửa chính nhà anh S. Thấy vậy, chị N mở cửa cho T vào trong nhà ngồi và đi vào phòng ngủ đóng cửa lại, còn T ngồi ở phòng khách đợi S.

Khi ngồi chờ ở phòng khách, bị cáo Lê Hồng T nhìn thấy trên kệ có 01 ti vi nhãn hiệu LG, loại màn hình 49 inch nên đã nảy sinh ý định lấy chiếc ti vi này đem về nhà để buộc anh Nguyễn Duy S phải đi lấy xe mô tô về trả cho T nên bị cáo đã bê chiếc ti vi này ra xe, chở về nhà và để trong phòng ngủ. Sau khi phát hiện ti vi bị mất, chị Nguyễn Nữ Kim N đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil trình báo. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil khi được triệu tập đến để làm việc, bị cáo Lê Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/HĐĐGTS ngày 21/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: Chiếc ti vi nhãn hiệu LG, loại màn hình 49 inch màu đen, viền màn hình màu xám có giá trị

còn lại là 5.600.000 đồng. Tấm kính kích thước 49 x 115cm, dày 4mm có giá trị thiệt hại là 54.096 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 20/CTr-VKS, ngày 10/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lê Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g và p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù giam.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị chấp nhận việc cơ quan điều tra huyện Đắk Mil đã trả lại 01 tivi nhãn hiệu LG, màn hình 49inch màu đen, viền màn hình màu xám, 01 cây cuốc cán tre lưỡi bằng kim loại cho gia đình anh Nguyễn Duy S; trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 48F5-3067 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã

truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/8/2017, tại thôn Xuân Phong, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Lê Hồng T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Nữ Kim N 01 ti vi nhãn hiệu LG, loại màn hình 49 inch có giá trị còn lại là 5.600.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo có 01 tiền án vào năm 2010 về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án vào năm 2015 (thuộc trường hợp tái phạm) về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội (vào ngày 09/8/2017) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

“Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm ”

[5] Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải được xử lý nghiêm.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn về tài sản và tài sản cũng đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có một

phần lỗi, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; ngày 31/8/2011, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích; Ngày 23/10/2013, thực hiện hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đến ngày 20/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999; ngày 07/3/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, đến ngày 09/8/2017 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do chưa được xóa án tích nên bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra ngày 11/7/2017, bị cáo thực hiện hành vi vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, ngày 22/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngày 03/8/2017, bị cáo bị Công an huyện Cư Jút bắt tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cư Jút.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: qua xác minh bị cáo là người không có tài sản, thu nhập, không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và sau đó trả lại 01 ti vi nhãn hiệu LG, loại màn hình 49 inch màu đen, viền màu xám, 01 cây cuốc cán bằng tre dài 65cm, đường kính 03cm, lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 24cm x 13cm cho gia đình anh Nguyễn Duy S, chị Nguyễn Nữ Kim N và trả lại 01 xe mô tô biển

số 48F5 – 3067 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M là các chủ sở hữu hợp pháp (theo các biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2018 tại cơ quan Công an huyện Đắk Mil) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo Lê Hồng T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Đối với hành vi của bị cáo Lê Hồng T hủy hoại tài sản của gia đình anh Nguyễn Duy S (làm vỡ 01 tấm kính, giá trị bị thiệt hại 54.096 đồng), do chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với việc bà Nguyễn Thị Tuyết M đã giao xe mô tô biển kiểm soát 48F5-3067 cho bị cáo Lê Hồng T sử dụng nhưng không biết bị cáo Lê Hồng T sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 41, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng trong vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 ti vi nhãn hiệu LG, loại màn hình 49 inch màu đen, viền màu xám, 01 cây cuốc cán bằng tre dài 65cm, đường kính 03cm, lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 24cm x 13cm cho gia đình anh Nguyễn Duy S và 01 xe mô tô biển kiểm soát 48F5 – 3067 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M là các chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Hồng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Công an huyện Đắk Mil
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng